TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 7 - 2018
"V/v tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Sơn Thị Sô Tha.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Hà Minh Hào.
2. Ông Kim Ngọc Trường.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Kim Riêng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú:* Ông Kim Sum – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 146/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Khưu Thị L, sinh năm 1975 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
- *Bị đơn:* Anh Lai Đ, sinh năm 1971 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2018 nguyên đơn chị Khưu Thị L trình bày: Vào năm 1992, sau một thời gian quen biết, tìm hiểu tôi đã được gia đình cho phép ký kết hôn với anh Lai Đ theo phong tục tập quán của địa phương nhưng đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/8/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 15 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cải với nhau do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc làm ăn. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân

không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Lai Thị Thảo Q, sinh năm 1993 đã trưởng thành có gia đình ở riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lai Đ, sau khi Tòa án thụ lý và đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ đến Tòa án để giải quyết vụ án, cụ thể vào các ngày 13/4/2018; 03/5/2018 và ngày 18/5/2018 Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải cho các đương sự được. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Khưu Thị L đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đối với bị đơn: Anh Lai Đ không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng tại Tòa án. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp chính đáng của đương sự. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Chị Khưu Thị L và anh Lai Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 11/8/2006 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ để lấy lời khai và mở phiên hòa giải, công khai chứng cứ, nhưng anh Đ vẫn cố tình vắng mặt. Theo quy

định tại khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Khưu Thị L và anh Lai Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 11/8/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như công việc làm ăn nên vợ chồng đã sống ly thân vào năm 2016 đến nay và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên chị L cương quyết xin ly hôn. Đối với anh Đ kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại thời điểm xét xử, anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, tiếp cận chứng cứ và hòa giải, đồng thời yêu cầu anh Đ có ý kiến trình bày bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L nhưng anh Đ đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Từ đó, cho thấy anh Đ không có thiện chí hàn gắn quan hệ với chị L; tại phiên tòa chị L xác định cuộc sống hôn nhân của chị L và anh Đ là không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L không còn tình cảm yêu thương anh Đ nữa và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Đ. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L được ly hôn với anh Đ. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: Lai Thị Thảo Q, sinh năm 1993 đã trưởng thành có gia đình ở riêng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này chị L và anh Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[5]Về án phí: Chị Khưu Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 5 Điều 177 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Khưu Thị L, cho chị Khưu Thị L được ly hôn với anh Lai Đ.

2. Về con chung: Đã trưởng thành có gia đình ở riêng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị L và anh Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Chị Khưu Thị L phải chịu số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0013814 ngày 22/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên chị L không phải nộp tiếp.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Sơn Thị Sô Tha